

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Mẫu CBTT 02 - Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

TỔ CHỨC NIÊM YẾT: CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

- Mã chứng khoán : PNC
- Trụ sở chính : Số 940 Đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TpHCM
- Điện thoại : 08.38663 447 Fax: 08.38663 449
- Website: www.pnc.com.vn
- Email: info@pnc.com.vn
- Vốn điều lệ : 100,589,060,000 đồng
- Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất và kinh doanh vật phẩm văn hóa

Năm báo cáo: 2009

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

- Tháng 02 năm 1982, công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Quận 11 được thành lập, trực thuộc phòng VHHTT Quận 11 chính là tiền thân của Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam ngày nay.
- Ngày 10/07/1989, Ủy ban Nhân dân Thành phố đã ra quyết định số 403/QĐ-UB về việc chuyển Công ty Văn hóa và Dịch vụ Tổng hợp Quận 11 trực thuộc Phòng Văn hóa Thông tin thành Công ty Văn hóa Tổng hợp Quận 11 trực thuộc Ủy ban Nhân dân Quận 11, hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp Nhà nước.
- Cuối năm 1990, Công ty thành lập Xí nghiệp in Phương Nam.
- Ngày 10/02/1992, Công ty thành lập Hãng phim Phương Nam.
- Ngày 12/04/1993, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định số 170/QĐ-UB thành lập Công ty Văn hóa Tổng hợp Quận 11 trực thuộc Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đến năm 1999, Công ty Văn hóa Tổng hợp Quận 11 được cổ phần hóa theo quyết định số 4430/QĐ-UB ngày 05/08/1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chuyển hình thức hoạt động của Công ty từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Vật phẩm Văn hóa Phương Nam với vốn điều lệ là 15

tỷ đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 35%, đánh dấu một giai đoạn chuyển mình đầy cơ hội và thách thức.

- Tháng 3 năm 2004, Công ty phát hành cổ phiếu huy động thêm 5 tỷ đồng từ các cổ đông, nâng vốn điều lệ Công ty lên thành 20 tỷ đồng. Cũng trong năm này Đại hội đồng Cổ đông thường niên đã đồng ý thông qua việc đăng ký lại tên mới của Công ty là Công ty Cổ phần Văn hoá Phương Nam (gọi tắt là Công ty Văn hóa Phương Nam) theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10, đăng ký lại lần thứ 1 số 4103002356 ngày 31/05/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phát triển với 6 chi nhánh đặt tại các vùng trọng điểm như Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ,... cùng với hơn 20 trung tâm phát hành lớn trong cả nước
- Công ty đã đăng ký và tham gia niêm yết tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán TP. HCM (nay là Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM) và ngày giao dịch đầu tiên là 11/07/2005.
- Tháng 8 năm 2005 Công ty phát hành thêm 1.000.000 cổ phiếu huy động vốn để góp vốn vào dự án đầu tư thành lập Công ty Liên doanh Megastar Media, nâng vốn điều lệ Công ty lên thành 30 tỷ đồng.
- Tháng 12 năm 2006 Công ty phát hành thêm 1.000.000 cổ phiếu và tăng vốn điều lệ lên 40 tỷ đồng.
- Tháng 11 năm 2007 Công ty phát hành thêm 2.500.000 cổ phiếu và tăng vốn điều lệ lên 65 tỷ đồng.
- Tháng 01 năm 2008, công ty tiến hành tái cơ cấu và thành lập 4 công ty con từ các xí nghiệp trực thuộc:
 - + Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam.
 - + Công ty TNHH MTV Văn Phòng Phẩm Phương Nam .
 - + Công ty TNHH MTV Phương Nam Phim.
 - + Công ty TNHH MTV In Phương Nam.
- Tháng 6/2009, công ty phát hành thêm 3.558.906 cổ phiếu nâng vốn điều lệ lên 100,589 triệu đồng.

2. Quá trình phát triển

2.1 Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh siêu thị, hàng tiêu dùng, sách báo, tạp chí văn hóa phẩm, băng hình, vật tư ngành ảnh, ngành in, đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất và kinh doanh các tác phẩm điện ảnh: phim nhựa, phim quảng cáo, các sản phẩm nghe nhìn và thực hiện các dịch vụ khác thuộc lĩnh vực điện ảnh;
- In ấn các loại sách báo, tạp chí, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, tem nhãn, bao bì các loại, giấy tờ quản lý kinh tế trên tất cả các chất liệu;

- Kinh doanh các dịch vụ thuộc ngành văn hóa thông tin: nhiếp ảnh, âm thanh, nhạc cụ, vẽ quảng cáo, thiết kế mỹ thuật, đánh máy, photocopy;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và máy móc thiết bị có liên quan đến chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Sản xuất các sản phẩm phục vụ nhu cầu học tập, văn hóa bằng tất cả các chất liệu;
- Dịch vụ: sửa chữa, bảo trì máy móc, công cụ do Công ty kinh doanh; giữ xe của khách hàng.
- Tổ chức biểu diễn thời trang, ca múa nhạc chuyên nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;
- Sản xuất và mua bán các loại sản phẩm nghe nhìn: băng đĩa nhạc, băng đĩa hình, băng đĩa phim truyện, phim hoạt hình, băng đĩa có nội dung sân khấu – ca nhạc và các loại băng đĩa có nội dung được phép lưu hành;
- Dịch vụ bảo hộ quyền tác giả;
- Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không kinh doanh tại trụ sở);
- Kinh doanh rạp chiếu phim;
- Dịch vụ quảng cáo thương mại.
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc qua mạng.

2.2 Tình hình hoạt động năm 2009

2.2.1. Hoạt động bán lẻ (hệ thống các chi nhánh, nhà sách)

- Doanh thu hệ thống bán lẻ là **229.715.702.251** đồng, vẫn tiếp tục là hoạt động chủ lực của toàn công ty đạt 83% so với kế hoạch và chiếm 64,3% doanh thu toàn hệ thống (số liệu chưa hợp nhất), tăng 104% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận gộp của hệ thống bán lẻ năm 2009 tăng 0,47% so với kế hoạch. Tuy nhiên, tổng lợi nhuận trước thuế của hệ thống bán lẻ là 15,36 tỷ, đạt 68% so với kế hoạch, chủ yếu do doanh thu không đạt.
- Đặc biệt duy nhất CN Cần Thơ đạt kế hoạch doanh thu (100%) và lợi nhuận (108%)
- Hoạt động của chi nhánh thành phố HCM đã đóng góp doanh số là 148 tỷ, hoàn thành 82% so với kế hoạch của năm 2009 và bằng 104% so với cùng kỳ 2008.
- Các CN còn lại không đạt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận.

2.2.2 Hoạt động Công ty thành viên

Doanh thu của công ty thành viên là **118.499.795.685** đồng, đạt 78% so với kế hoạch và tăng trưởng 13% so với cùng kỳ năm 2008. Tuy nhiên, lợi nhuận không đạt so với kế hoạch.

Trong năm, mặc dù các công ty đã có nhiều biện pháp kiểm soát chi phí hoạt động, nhưng do chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng và chi phí cố định cao, do đó, tỉ lệ chi phí trên doanh thu thuần của các công ty PNBC, PNSC, PNP tăng cao hơn so với kế hoạch.

Năm 2009, chỉ có công ty PNF và PNB có lợi nhuận. Trong đó, PNF đã vượt chỉ tiêu về kế hoạch lợi nhuận là 63,2%.

Công ty TNHH MTV Phương Nam Phim (PNF)

- Hoạt động sản xuất duy trì tương đối đều đặn qua các chương trình có chất lượng như Phạm Duy, Lê Thu, nhạc xuân, các chương trình hòa tấu.
- Duy trì được thế mạnh thương hiệu, thu hút được nhiều đối tác (ca sĩ, nhạc sĩ có tên tuổi tham gia liên kết phát hành như Tuấn Hưng, Đức Tuấn, Họa Mi, Hà Anh Tuấn...)
- PNF là đơn vị duy nhất kinh doanh bản quyền trong ngành băng đĩa. Tạo thế mạnh riêng, tiên phong trong lĩnh vực mua bán, kinh doanh bản quyền và nhập khẩu sản phẩm nghe nhìn nước ngoài. Là đơn vị độc quyền phát hành các sản phẩm của công ty Innoform – Singapore, các phim truyện của Warner Bros.
- Kinh doanh bản quyền (quyền tài sản đối với bản ghi âm, ghi hình) trên mạng và phát sóng có triển vọng ngày một sáng sủa hơn.
- Hoạt động tổ chức biểu diễn tốt. Tuy mỗi năm chỉ tổ chức 01 chương trình nhưng các show ca nhạc của PNF đều thành công được công chúng và báo chí đón nhận, đánh giá cao.
- Đội ngũ CBNV có kinh nghiệm, gắn bó và chịu khó và năng động.
- Tình hình băng đĩa lậu, vi phạm bản quyền không giảm mà có chiều hướng gia tăng, trong khi những nỗ lực của nhà nước chống lại vấn đề này không thấy tiến triển và hiệu quả.
- Các tranh chấp về quyền liên quan diễn ra phức tạp đặc biệt là quyền tài sản (giữa ca sĩ là người biểu diễn và các đơn vị sản xuất là đơn vị đầu tư), cũng gây bất lợi cho việc kinh doanh bản quyền ghi âm của RIAV mà các đơn vị SX ủy quyền.

Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam (PNB)

- Hệ thống nhà sách của PNC ngày càng mở rộng (30 nhà sách), tạo điều kiện cho việc bán sách của PNB trên diện rộng, được ưu tiên quảng bá poster sách mới, ưu tiên hỗ trợ kệ sách PNB.
- Sách Phương Nam (PNB) ngày càng khẳng định vị thế là một nhà làm sách chuyên nghiệp và phát hành sách hàng đầu tại Việt Nam. Bên cạnh đó, PNB được đồng nghiệp đánh giá cao về hình thức và nội dung, thường xuyên lọt vào “Top Sách bán chạy”. PNB đã tăng số lượng sách in lần đầu tiên cho mỗi tựa sách từ 2.000 cuốn lên 4.000 cuốn và có nhiều tựa tái bản ngay sau khi phát hành, trong đó, nổi bật là tựa sách “Quyền Lực Đích Thực” được in 20.000 bản.
- Phát triển chi nhánh, tăng cường đại lý, khách hàng trao đổi, có nguồn hàng trao đổi lớn và ổn định. PNB kiểm soát việc sử dụng vốn và chi phí khá tốt. Có sự trưởng thành rõ nét trong đội ngũ nhân viên PNB. Môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, trong sáng.
- Thị trường sách năm 2009 trầm lắng hơn so với những năm trước do ảnh hưởng kinh tế suy thoái, nên sức mua giảm, tình hình doanh thu của PNB cũng giảm hơn so với kế hoạch đề ra.

Công ty TNHH MTV Văn phòng phẩm Phương Nam (PNSC)

- Khủng hoảng kinh tế đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình kinh doanh tại đơn vị nói riêng và các đối tác là nhà cung cấp nói chung. Các công ty đối thủ đầu tư nhiều vào việc đa dạng hóa sản phẩm, chất lượng được nâng cao, giá rất cạnh tranh nên đã ảnh hưởng đến doanh thu của PNSC trên thị trường này.
- Thay đổi giao diện trang website PNSC và cập nhật những thông tin sản phẩm mới và thông tin hoạt động.

Công ty TNHH MTV In Phương Nam (PNP)

- Hoàn thiện được các chính sách mua hàng, chính sách bán hàng, quy trình quản lý sản xuất...
- Xây dựng xong chính sách ISO.
- Tổ chức triển lãm lịch Phương Nam, tăng thêm uy tín cho thương hiệu công ty in Phương Nam, mở ra cơ hội khai thác các khách hàng mới, nhất là cơ hội với thị trường in ấn ở Hà Nội, chủ động hơn trong việc tiếp cận các khách hàng, đối tác.
- Nguồn nguyên liệu không ổn định và sụt giảm nghiêm trọng.
- Thiếu lao động có tay nghề cao do ảnh hưởng của cạnh tranh lao động trong ngành.

Công ty CP nhãn hiệu Phương Nam (PNBC)

- Đối tác hợp tác licence Disney (IMHI) bị Disney thu hồi bản quyền, vì thế, PNBC thiếu sự hỗ trợ về nguồn hàng khai thác. Do đó, doanh thu đã bị ảnh hưởng.
- PNBC chưa thể triển khai dự án Office 1 và Warner Bros như dự kiến.
- Hoạt động kinh doanh của PNBC đến nay vẫn chưa có hiệu quả.

2.2.3. Hoạt động các công ty liên doanh, liên kết.

Công ty Liên Doanh Megastar

Trong năm 2009, hoạt động của Megastar ổn định và tăng trưởng cao so với 2008, mặc dù có bị ảnh hưởng của suy thoái kinh tế vào những tháng đầu năm. Doanh thu đạt 233,4 tỷ, tăng trưởng 52% (doanh thu năm 2008 là 154,7 tỷ).

Để đạt được mức tăng trưởng trên, Megastar đã từng bước tiêu chuẩn hóa các hoạt động và không ngừng rút ngắn thời gian trình chiếu các bộ phim lớn, ăn khách cùng thời điểm với các nước trên thế giới.

Đặc biệt trong tháng 12/2009, việc phối hợp với Studio để đưa siêu phẩm phim 3D Avatar vào Việt Nam cùng lúc với Mỹ đã mang lại hiệu quả vượt mức mong đợi của Megastar - doanh thu đạt 1,8 triệu USD- cao nhất thị trường phim Việt Nam từ trước đến nay.

Trong năm, Megastar không phát triển thêm cụm rạp mới nhưng có đầu tư thiết bị 2 phòng chiếu phim 3D cho Vincom Hà Nội và Hùng Vương Plaza.

Cho đến nay, Megastar vẫn là đơn vị dẫn đầu tại Việt Nam với trên 50% thị phần, với 7 cụm rạp chiếu phim, gần 60 rạp chiếu và trên 10.000 chỗ ngồi.

Về mặt hiệu quả kinh doanh, đến nay Megastar bắt đầu giảm lỗ và có lãi ở một số cụm rạp như: Vincom Hà Nội, Hùng Vương Plaza và City plaza (Tân Sơn Nhất).

Công ty CP truyền thông Bách Việt Phương Nam (BVN)

Đơn vị : VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện 2009	Thực hiện 2008
Doanh thu	31,865,102,463	11,017,936,473
Lợi nhuận gộp	6,384,647,765	2,139,684,468
Lợi nhuận trước thuế	619,862,745	- 1,672,287,646

Mặc dù trong năm 2009 có nhiều khó khăn do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, tình hình kinh doanh năm 2009 của Bách Việt Phương Nam vẫn có nhiều chuyển biến tích cực. Doanh thu trong năm tăng 189% so với năm 2008 và lợi nhuận gộp tăng hơn 198%. Bên cạnh đó, công ty đã kiểm soát hiệu quả chi phí hoạt động nên lợi nhuận trước thuế từ lỗ năm 2008 đã có lãi trong năm nay là hơn 619 triệu đồng. Đây là bước khởi đầu khá tốt đối với một công ty non trẻ như BVN.

Năm 2009, công ty tiếp tục nhập và độc quyền phát hành các bản phim gốc như Đến thượng đế cũng phải cười 2, Huyền thoại mùa thu, Thiên thần của Charlies, Hồi ký một Geisha, Điệp viên áo đen- Men in black 2, Cuộc gặp gỡ huyền bí - Close Encounters of the third kind.

Công ty CP Sách & Thiết Bị Trường Học Sóc Trăng

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện 2009	Thực hiện 2008
Doanh thu	37,549,762,789	31,486,460,673
Lợi nhuận gộp	5,517,358,787	4,372,176,648
Lợi nhuận trước thuế	1,695,284,543	1,072,483,666

Công ty Sách & Thiết bị trường học Sóc Trăng vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng khá tốt, tổng doanh thu tăng 19.26% so với năm 2008. Mặc dù lợi nhuận gộp tăng 26.19% nhưng lợi nhuận trước thuế đạt được sự tăng trưởng đến 58.07%. Với nội lực sẵn có cùng với tình hình kinh tế chung ngày càng khả quan hơn, trong năm 2010 dự báo công ty sẽ còn đạt được những thành công hơn nữa.

3. Định hướng phát triển

Tầm nhìn

Trở thành doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm văn hóa & truyền thông, làm phong phú đời sống tinh thần của người Việt Nam.

Sứ mệnh

PNC không ngừng đổi mới và hoàn thiện, tạo sự khác biệt để có được những sản phẩm văn hóa và truyền thông hoàn hảo nhằm nâng cao đời sống tinh thần của cộng đồng.

Mục tiêu Công ty đến năm 2010

- Vị thế cạnh tranh: Doanh nghiệp đứng đầu trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm văn hóa của Việt Nam.
- Mạng lưới phân phối: Có 40 nhà sách tại 15 -20 tỉnh thành trên toàn quốc.
- Quản lý: Hệ thống quản lý chuyên nghiệp, chất lượng nhân sự quản lý tốt.
- Doanh thu năm 2010: 425 tỷ VNĐ.
- Tỷ lệ lợi nhuận /doanh thu: 3%.
- Giá trị thị trường : 500 tỷ VNĐ

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị/Chủ tịch công ty

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

PNC có trên 20 nhà sách trên phạm vi cả nước thuộc hệ thống bán lẻ và 4 công ty con, ngoài ra PNC còn nắm giữ cổ phần trong Công ty Liên Doanh Megastar, Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam (PNBC), Công ty CP Truyền Thông Bách Việt Phương Nam (BVN), Công ty CP Sách &

Thiết Bị Trường Học Sóc Trăng. Trong năm 2009, công ty tiếp tục đầu tư và đưa vào hoạt động 06 nhà sách mới, gồm 03 nhà sách ở TPHCM, 01 nhà sách ở Huế và 02 nhà sách ở thủ đô Hà Nội.

2. Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh so với kế hoạch năm 2009:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	So TH/KH
1	Doanh thu thuần	388,991,376,226	292,628,630,887	75.2%
2	Lợi nhuận gộp	103,383,666,760	81,870,746,603	79.2%
3	Lợi nhuận trước thuế	10,670,013,589	4,691,758,054	44.0%
4	Thuế TNDN	2,667,503,397	1,218,608,911	
5	Tổng lợi nhuận sau thuế	8,002,510,192	3,473,149,143	43.4%

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 65.000.000.000 đồng lên 100.589.060.000 đồng

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

4.1 Định hướng mục tiêu năm 2010

- Tiếp tục giữ vững vị thế là một trong những đơn vị dẫn đầu trong ngành văn hóa phẩm
- Đẩy mạnh doanh thu, kiểm soát chi phí ở mức hợp lý, tăng lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.2 Kế hoạch kinh doanh 2010

DVT: đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2009	KẾ HOẠCH NĂM 2010
1	Doanh thu thuần từ cung cấp hàng hóa và dịch vụ	292,628,630,887	425,361,104,589
2	Giá vốn hàng bán	210,757,884,284	315,311,927,273
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	81,870,746,603	110,049,177,316
4	Doanh thu hoạt động tài chính	2,400,614,612	875,629,242
5	Chi phí tài chính	5,284,063,282	5,477,290,555
6	Chi phí bán hàng	66,987,359,264	76,408,605,267
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	17,354,009,015	19,849,621,746
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(5,354,070,347)	9,189,288,991
	Thu nhập khác	11,374,434,969	991,239,273
	Chi phí khác	1,328,606,568	33,333
9	Lợi nhuận khác	10,045,828,401	991,205,940
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4,691,758,054	10,180,494,931
11	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,218,608,911	1,782,358,864
12	Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	3,473,149,143	8,398,136,067
	Trích quỹ dự phòng tài chính	69,462,983	419,906,803
	Trích quỹ đầu tư phát triển		
	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	347,314,914	839,813,607
13	Lợi nhuận chưa phân phối	3,056,371,246	7,138,415,657
	Cổ tức	3,016,699,800	499,689,096
	Lãi cơ bản trên CP (EPS)	531	835

4.3 Các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2010

4.3.1 Hoạt động bán lẻ

- Đẩy mạnh phát triển kinh doanh theo chiều sâu, tập trung vào củng cố và nâng cao năng lực hiện có, sắp xếp và có hướng giải quyết đối với những nhà sách, chi nhánh hoạt động thua lỗ kéo dài.
- Tiếp tục công tác chuẩn hóa hệ thống bán lẻ: hoàn thiện chuỗi nhận diện; tái cơ cấu tổ chức, định biên; thực hiện các quy trình, quy định; cơ cấu hàng hóa phù hợp và kiểm soát tồn kho chặt chẽ tại các nhà sách; tiêu chuẩn hóa chất lượng dịch vụ; tăng cường công tác đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên bán hàng.
- Thực hiện cải tiến quản lý hoạt động mua hàng nhằm nâng cao năng lực cung ứng hàng hóa để đạt được mục tiêu tăng tỉ lệ lợi nhuận gộp 1% thông qua việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức; ban hành các quy trình, quy định, chính sách mua hàng – bán hàng; quy hoạch nhà cung cấp...
- Khai trương bán hàng trực tuyến.
- Phát triển nhà sách Phương Nam Đà Lạt (liên doanh với công ty Phát Hành Sách Lâm Đồng), Nhà sách Làng Nghề Huế (Lê Lợi), BookCafe Cần Thơ.

4.3.2 Công ty thành viên

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động các công ty thành viên thông qua các quy trình, quy định và công tác kiểm toán nội bộ.
- Tái cơ cấu lại hoạt động các công ty thành viên đang thua lỗ, đảm bảo hoạt động hiệu quả trong năm 2010 (tinh giảm bộ máy, định hướng sản phẩm, liên kết trong sản xuất và bán hàng), thay đổi nhân sự điều hành có năng lực tốt hơn.
- Phát triển cửa hàng bán lẻ sản phẩm nghe nhìn PNF đầu tiên tại TP.HCM.

4.3.3 Các phòng ban tham mưu

Nhân sự:

- Hoàn chỉnh các qui chế lương, quy chế tuyển dụng, đào tạo để đảm bảo các chính sách lương ngày càng phù hợp với thị trường chung, góp phần ổn định nhân sự làm việc tại công ty.
- Tăng cường công tác đào tạo, đặc biệt đánh giá hiệu quả sau đào tạo, nhằm nâng cao năng lực của CBCNV.
- Phối hợp các hoạt động cải tiến quản lý để cơ cấu lại nhân sự hợp lý. Thực hiện chương trình qui hoạch nhân sự kế thừa
- Tăng cường công tác kiểm tra để quản lý công tác hành chính – nhân sự trên toàn hệ thống.

Thương hiệu:

- Chú trọng vào công tác quản trị thương hiệu.
- Tạo mối liên kết, tận dụng lợi thế đa ngành trong các chương trình Marketing và tận dụng năng lực sẵn có trong các hoạt động hỗ trợ bán hàng.

- Khảo sát khách hàng mục tiêu và đánh giá chất lượng dịch vụ PNC.

Văn phòng Công ty:

- Ổn định cơ cấu tổ chức các phòng ban.
- Tăng cường hiệu quả quản lý các dự án đầu tư.
- Xây dựng chiến lược Công ty năm 2011 – 2015
- Tiếp tục thực hiện công tác cải tiến quản lý, hoàn thiện các quy chế hoạt động công ty.

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

1.1 Các chỉ số tài chính:

Các chỉ số tài chính	2007	2008	2009
Tăng trưởng			
<i>Doanh thu thuần</i>	20.62%	26.91%	9.22%
<i>Lợi nhuận gộp</i>	25.31%	27.86%	6.83%
<i>LN từ HĐKD</i>	70.78%	-50.16%	-211.60%
<i>LN trước thuế</i>	56.51%	-61.33%	-19.80%
Suất sinh lời			
<i>Lợi nhuận trước thuế biên(LNTT/DTT)</i>	5.01%	2.15%	1.60%
<i>Lợi nhuận ròng biên(LNST/DTT)</i>	4.36%	1.33%	1.19%
<i>Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)</i>	4.29%	1.25%	1.12%
<i>Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)</i>	7.42%	2.98%	2.47%
Khả năng thanh toán			
<i>Khả năng thanh toán hiện hành (lần)</i>	1.65	1.29	1.39
<i>Khả năng thanh toán nhanh (lần)</i>	0.67	0.48	0.51
<i>Tổng nợ/ Vốn chủ sở hữu (lần)</i>	0.73	1.39	1.21
<i>Tổng nợ/ Tài sản (lần)</i>	0.42	0.58	0.55

Chỉ số tăng trưởng: Mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận gộp so với năm 2008 lần lượt là 9.22% và 6.83% là tương đối khá, do năm 2009 công ty vẫn chịu ảnh hưởng của tình hình khủng hoảng kinh tế chung. Tuy vậy, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh giảm tới 211.60% nguyên nhân do các khoản chi phí tăng cao khi so sánh các tỷ trọng chi phí với doanh thu thuần.

Chỉ số suất sinh lời: Các chỉ số suất sinh lời trên doanh thu và các chỉ số ROA và ROE đều giảm nhẹ so với các năm trước; chỉ số ROE cao hơn chỉ số ROA do công ty sử dụng đòn bẩy tài chính để tài trợ cho các dự án hoạt động.

Khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán hiện hành qua các năm tương đối ổn định và trong ngưỡng an toàn, khả năng thanh toán nhanh khá thấp do hàng tồn kho chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản lưu động. Tuy nhiên, do hàng tồn kho của công ty có thể quay vòng nhanh và hàng lỗi thời không tiêu thụ nhanh vẫn có thể đổi trả được nên nhìn chung khả năng thanh toán nhanh của công ty vẫn ở mức an toàn.

Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu là 1.21 lần, vẫn nằm trong giới hạn trung bình đối với các doanh nghiệp thương mại.

1.2 Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009 : 139.921.327.137 đồng.

1.3 Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:

Vốn chủ sở hữu đầu năm 2009: 121.947.748.037 đồng

Vốn chủ sở hữu cuối năm 2009: 142.079.301.376 đồng

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch TGHD	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Cộng
Số dư đầu năm trước	65.000.000.000	48.929.549.530	(32.400.000)	-	3.144.727.481	1.359.420.039	7.493.143.952	255.409.300	126.149.850.302
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	3.617.959.370	-	3.617.959.370
Giảm vốn trong năm	-	(120.676.800)	-	-	-	-	-	-	(120.676.800)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(7.148.380.000)	-	(7.148.380.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	147.797.768	(443.393.303)	295.595.535	-
Chi từ quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(1.283.775.287)	(1.283.775.287)
Số dư đầu năm nay	65.000.000.000	48.808.872.730	(32.400.000)	-	3.144.727.481	1.507.217.807	3.519.330.019	(732.770.452)	121.214.977.585
Tăng vốn trong năm	35.589.060.000	(14.257.062.684)	-	-	(1.331.997.316)	-	-	-	20.000.000.000
Tăng khác	-	-	-	19.247	-	-	-	10.370.100	10.389.347
Trích lập quỹ	-	-	-	-	200.000.000	320.741.836	(1.080.014.303)	559.272.467	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	3.473.149.143	-	3.473.149.143
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(2.605.570.432)	-	(2.605.570.432)
Chi từ quỹ	-	-	-	-	(10.000.000)	-	-	(1.215.960.294)	(1.225.960.294)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(166.772.152)	-	(166.772.152)
Số dư cuối năm	100.589.060.000	34.551.810.046	(32.400.000)	19.247	2.002.730.165	1.827.959.643	3.140.122.275	(1.379.088.179)	140.700.213.197

1.4 Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Cổ phần Nhà Nước	15.103.200.000	12.180.000.000
Cổ phần công nhân viên Công ty	21.102.790.000	6.339.240.000
Cổ phần bán cho các đối tượng ngoài DN	34.380.220.000	22.365.380.000
Cổ đông nước ngoài	30.002.850.000	24.115.380.000
Tổng cộng	100.589.060.000	65.000.000.000

1.5 Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	10.058.906	6.500.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	10.058.906	6.500.000
▪ Số lượng cổ phần được mua lại	3.240	3.240
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	10.055.666	6.496.760
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

1.6 Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	3.473.149.143	3.617.959.370
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong năm của Công ty mẹ	6.538.681	6.495.439
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	531	557

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2.1. Bảng kết quả hoạt động SX - KD

DVT: đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2008	KẾ HOẠCH NĂM 2009 (CHƯA HỢP NHẤT)	THỰC HIỆN NĂM 2009 (HỢP NHẤT)	TH2009/TH2008	TH2009/KH2009
1	2	3	4	5=4/1	6=4/3
Doanh thu cung cấp hàng hóa và DV	276,040,207,962	419,335,271,428	301,479,746,130	109.2%	71.9%
Các khoản giảm trừ doanh thu	3,609,112,320	30,343,895,202	8,851,115,243	245.2%	29.2%
Doanh thu thuần từ cung cấp hàng hóa và DV	272,431,095,642	388,991,376,226	292,628,630,887	107.4%	75.2%
Giá vốn hàng bán	195,794,725,976	285,607,709,466	210,757,884,284	107.6%	73.8%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	76,636,369,666	103,383,666,760	81,870,746,603	106.8%	79.2%
Doanh thu hoạt động tài chính	7,266,338,930	627,533,848	2,400,614,612	33.0%	382.5%
Chi phí tài chính	9,688,365,421	4,220,936,408	5,284,063,282	54.5%	125.2%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	4,248,022,505		4,347,146,044	102.3%	
Chi phí bán hàng	52,501,816,866	73,219,809,999	66,987,359,264	127.6%	91.5%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16,915,183,377	18,140,131,495	17,354,009,015	102.6%	95.7%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4,797,342,932	8,430,322,707	(5,354,070,347)	-111.6%	-63.5%
Thu nhập khác	2,601,929,484	2,281,384,482	11,374,434,969	437.2%	498.6%
Chi phí khác	1,549,191,566	41,693,600	1,328,606,568	85.8%	3,186.6%
Lợi nhuận khác	1,052,737,918	2,239,690,882	10,045,828,401	954.3%	448.5%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5,850,080,850	10,670,013,589	4,691,758,054	80.2%	44.0%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1,891,758,892	2,667,503,397	1,251,565,783	66.2%	46.9%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	340,362,588		(32,956,872)	-9.7%	
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	3,617,959,370	8,002,510,192	3,473,149,143	96.0%	43.4%

2.2 Nhận định về kết quả kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính:

2.2.1 Doanh thu:

Doanh thu chưa hợp nhất 357.026.940.351đ, đạt 85% kế hoạch 2009, trong đó, doanh thu hệ thống bán lẻ đạt 83% kế hoạch. Mặc dù doanh thu năm 2009 không đạt kế hoạch nhưng so với năm 2008 doanh thu đã tăng 10%.

2.2.2 Lợi nhuận gộp:

Tỷ lệ lợi nhuận gộp toàn công ty thực hiện là 27.9% cao hơn 1.4 % so với kế hoạch 2009.

2.2.3 Chi phí hoạt động:

Trong năm 2009, chi phí hoạt động trên doanh thu thuần là 29% cao hơn so với kế hoạch là 6%. Chi phí vẫn còn cao do trong năm mở thêm các nhà sách tại TP.HCM và Hà Nội làm gia tăng chi phí thuê mặt bằng, lương nhân viên và các chi phí phục vụ bán hàng khác.

2.2.4 Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh:

Lợi nhuận trước thuế 4,691 tỷ đạt 44% so với kế hoạch và bằng 80.2% so với năm 2008, do lợi nhuận của hoạt động bán lẻ giảm sút (chỉ đạt 68% so với kế hoạch) và một số các công ty thành viên không đạt kế hoạch lãi (PNBC, PNSC, PNP)

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- PNC đã trở thành thương hiệu lớn, uy tín được người tiêu dùng tin tưởng, là một cái tên gắn với các sản phẩm văn hóa có chất lượng. Cùng với hệ thống nhận diện thương hiệu khá hoàn thiện và hệ thống các nhà sách bán lẻ quy mô trên cả nước. Tạo được lòng tin của người tiêu dùng trong lĩnh vực kinh doanh văn hóa phẩm. Lượng khách hàng thân thiết khá ổn định và gắn bó với các đơn vị thể hiện qua việc gia tăng số lượng khách hàng có thẻ member, thẻ VIP (hiện nay là 10.000 thẻ).
- Bookcafe tạo điểm khác biệt với không gian thoáng mát, chất lượng dịch vụ tốt, phong cách sang trọng, lịch sự, bên cạnh đó, Bookcafe còn thường xuyên tổ chức các chương trình ca nhạc chất lượng. Chính vì vậy, Bookcafe đã trở thành sự lựa chọn của học sinh, sinh viên đến làm việc, thư giãn, giải trí, họp mặt, hội thảo.
- Các thương hiệu của công ty thành viên như PNF, PNB cũng là những thương hiệu hàng đầu trong ngành kinh doanh văn hóa.
- Hệ thống luật pháp về bản quyền ngày càng hoàn thiện cùng với ý thức tiêu dùng các sản phẩm chính gốc ngày càng nâng cao đã khiến việc kinh doanh các sản phẩm băng đĩa nhạc, sách chính gốc, có bản quyền hoặc hàng nhập khẩu trở nên thuận lợi hơn. Phương Nam Phim (PNF) và Phương Nam Sách (PNB) đã có được bản quyền những chương trình, những tựa sách có chất lượng và giá trị thương mại cao.
- Tập Phương Nam (sản phẩm của PNSC) đã tạo được chỗ đứng trên thị trường sau 02 năm hoạt động.
- Đội ngũ lãnh đạo Công ty là những người có trải nghiệm và tâm huyết với ngành, với Công ty.
- Đội ngũ nhân viên bán hàng được đào tạo tốt về kỹ năng bán hàng thông qua hoạt động đào tạo thường xuyên tại Công ty và thực tế tại cửa hàng.

IV. Báo cáo tài chính Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán (đính kèm)

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán (đính kèm)

VI. Các công ty con và công ty có liên quan:

1. Công ty con

1.1 Công ty TNHH Một Thành Viên In Phương Nam (PNP).

Ngày thành lập: 11/03/2008 (tiền thân là XN In Phương Nam đã hoạt động từ năm 1992)

Tên chính thức: Cty TNHH Một Thành Viên In Phương Nam

Tên giao dịch: Cty In Phương Nam (gọi tắt là PNP)

Trụ sở chính: 160/12 - 160/14 Đội Cung, Phường 9, Quận 11, Tp.HCM.

Logo:



Vốn Điều lệ: 14.000.000.000 đồng (Mười bốn tỷ đồng)

Ngành nghề kinh doanh:

- o In trên bao bì (không in trên các sản phẩm vải, sợi, dệt, may, đan tại trụ sở).

- Đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách.
- Thiết kế tạo mẫu.
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại.
- Mua bán nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị ngành in.
- Đại lý phát hành sách báo.
- Sản xuất, mua bán dụng cụ học tập.

Bên cạnh chức năng in ấn, PNP còn liên kết với các đối tác trong và ngoài hệ thống PNC để kinh doanh, khai thác các sản phẩm lịch, thiệp, sổ tay.

Khách hàng chủ lực: Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà Nước Việt Nam, Tập đoàn Bảo hiểm Việt Nam (Bảo Việt), Tập đoàn Bảo hiểm Prudential, các Ngân hàng và NXB lớn.

1.2 Công ty TNHH Một Thành Viên Phương Nam Phim (PNF).

Ngày thành lập: 31/05/2008 (tiền thân là Hãng phim Phương Nam, đã hoạt động từ tháng 4 năm 1992).

Tên chính thức: Cty TNHH Một Thành Viên Phương Nam Phim

Tên giao dịch: PHUONG NAM FILM COMPANY LIMITED, gọi tắt là Phương Nam Film

Trụ sở chính: 940 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Tp.HCM.

Logo:



Vốn điều lệ: 18.000.000.000 đồng (Mười tám tỷ đồng)

Được thành lập từ tháng 4 năm 1992, Phương Nam Phim trực thuộc Cty Cổ phần Văn hóa Phương Nam. Sau hơn 15 năm hoạt động thành công, đến nay hãng Phim Phương Nam đã tạo dựng được uy tín của một thương hiệu hàng đầu trong ngành sản xuất và kinh doanh các sản phẩm giải trí như băng, đĩa, phim, tổ chức biểu diễn và các dịch vụ giải trí khác.

Sản phẩm của Hãng phim Phương Nam đã đạt được nhiều giải thưởng cấp quốc gia, Thành phố và thương hiệu Phương Nam Phim đã trở thành quen thuộc đối với nhiều người, nhiều tầng lớp trong và ngoài nước.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, mua bán phim, băng, đĩa có nội dung được phép lưu hành.
- Kinh doanh rạp chiếu phim.
- Tổ chức lễ hội.
- Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại.
- Mua bán hàng điện, điện tử, nhạc cụ.

- Đào tạo nghề.
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở).

1.3 Công ty TNHH Một Thành Viên Sách Phương Nam (PNB).

Ngày thành lập: 08/01/2008

Tên chính thức: Công ty TNHH Một Thành Viên Sách Phương Nam

Tên giao dịch: Phương Nam Book (PNB)

Trụ sở chính: 940 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Tp.HCM.

Logo:



Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng)

Ngành nghề kinh doanh:

- Đại lý phát hành sách báo (có nội dung được phép lưu hành)
- Thiết kế đồ họa
- Gia công vẽ mỹ thuật trang trí.

Lĩnh vực hoạt động:

- Liên kết xuất bản và phát hành sách các thể loại và các ấn phẩm như sổ tay, audio book, sách nhạc.
- Tổng phát hành và Hợp tác chiến lược:
 - ⌚ Phương Nam Book và Công ty Văn hoá Phương Nam đã ký hợp đồng hợp tác chiến lược với Nhà xuất bản Tri Thức nhằm phát triển mạnh hơn nữa mảng sách tri thức nhân loại, nâng cao dân trí. Hiện Phương Nam Book là đơn vị Tổng phát hành các tựa sách thuộc Tủ Sách Tinh Hoa của Nhà xuất bản Tri Thức.
 - ⌚ Phương Nam Book cũng là đơn vị tổng phát hành nhiều tựa sách quan trọng cho các nhà xuất bản lớn như NXB Trẻ, NXB Hội Nhà Văn, NXB Văn học, NXB Phụ Nữ, NXB Văn hoá - Thông tin;
 - ⌚ Có mối quan hệ thường xuyên và chặt chẽ với Hiệp hội xuất bản Châu Á và ban tổ chức các Hội sách lớn trong khu vực, chuẩn bị cho sự hội nhập vào cộng đồng xuất bản châu lục và thế giới.

1.4 Công ty TNHH Một Thành Viên Văn Phòng Phẩm Phương Nam (PNSC)

Ngày thành lập: 21/01/2008

Tên chính thức: Công ty TNHH MTV Văn Phòng Phẩm Phương Nam

Tên giao dịch: Công ty Văn Phòng Phẩm Phương Nam

Tên tiếng Anh : Phương Nam Stationery Company.

Trụ sở chính: 160/13 Đội Cung, P9, Tp.HCM.

Logo:



Vốn điều lệ: 16.000.000.000 đồng (Mười sáu tỷ đồng)

Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất, mua bán giấy, các sản phẩm từ giấy, dụng cụ thiết bị học sinh, vật dụng văn phòng phẩm (không sản xuất tại trụ sở).

Chức năng kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh các loại học cụ :
 - Tập học sinh các loại;
 - Sáp tô màu, bút viết, giấy kiểm tra
- Kinh doanh thương mại các dòng VPP thương hiệu nước ngoài: Office One.
- Sản xuất kinh doanh & thực hiện gia công các loại vật phẩm làm từ giấy: lịch, sổ tay, bao thư, giấy note.

2. Công ty liên doanh, liên kết:

2.1 Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam (PNBC): tỷ lệ nắm giữ 50,92%

Ngày thành lập: 04/01/2007

Tên chính thức: Công ty Cổ phần Nhân hiệu Phương Nam

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Nhân hiệu Phương Nam

Tên tiếng Anh : Phuong Nam Brand Corporation.

Trụ sở chính: 940 Đường 3/2 Phường 15, Quận 11, Tp.HCM.

Logo



Vốn điều lệ: 16.000.000.000 đồng (Mười sáu tỷ đồng)

Được sự chấp thuận của ĐHCĐ, PNC đã liên doanh đầu tư với East Media Holding Incorporation (EMHI) thông qua Công ty Cổ phần Tinh Túy (ELITE) để thành lập Công ty Cổ phần Nhân Hiệu Phương Nam (PNBC). Công ty PNBC hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103005864 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 01 năm 2007. Vốn điều lệ của Công ty PNBC là 16 tỷ đồng, trong đó PNC góp 9,6 tỷ đồng chiếm 60% và ELITE góp 6,4 tỷ đồng chiếm 40%.

Ngành nghề kinh doanh

- Mua bán hàng gia dụng, đồ dùng cá nhân và gia đình.
- Đại lý phát hành sách báo, tạp chí văn hóa phẩm (có nội dung được phép lưu hành).
- Mua bán văn phòng phẩm, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội).
- Mua bán băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (không mua bán tại trụ sở).
- Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở).
- Dịch vụ tổ chức hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm.
- Sản xuất, phát hành phim có nội dung được phép lưu hành.
- Quảng cáo thương mại.
- Dịch vụ tiếp thị.
- Nghiên cứu thị trường.

2.2 Công ty Liên Doanh Megastar: tỷ lệ nắm giữ 20%

Trụ sở chính: Parkson Plaza (Lầu 7), 126 Hồng Bàng, P.12,Q.5, TPHCM

Tel: 08-22220228 Fax: 08-22220300

Năm 2004, với sự liên doanh của Tập đoàn Envoy Media (Mỹ), Phương Nam đã thành lập công ty Truyền Thông Megastar chuyên xây dựng và kinh doanh cụm rạp chiếu phim cao cấp Megastar Cineplex, một mô hình trung tâm giải trí tích hợp đầu tiên tại Việt Nam. Ngoài cụm rạp chiếu phim với tiêu chí mang đến cho khán giả những bộ phim mới nhất của Hollywood và thế giới, mỗi trung tâm megastar Cineplex là một khu phức hợp bao gồm khu mua sắm, khu vui chơi giải trí, nhà hàng ẩm thực, bar café... theo chuẩn mực thật cao cấp và hiện đại.

Với dự kiến đầu tư khoảng 10 cụm rạp chiếu phim tại Việt Nam cho đến năm 2010, cụm rạp Megastar đầu tiên (Vincom City) xuất hiện tại Hà Nội vào tháng 04.2006, lập tức trở thành cụm rạp ăn khách nhất thủ đô từ trước tới nay. Tiếp theo là Megastar Cineplex Biên Hòa (Coop Mart Biên Hòa), Megastar Hùng Vương (Parkson Hùng Vương Plaza) ra mắt tháng 08.2007, Megastar Paragon (Khu đô thị Phú Mỹ Hưng) – năm 2008, cùng hàng loạt các trung tâm khác tại TP.HCM và các thành phố lớn như Đà Nẵng, Huế, Cần Thơ, Phan Thiết...

2.3 Công ty CP Truyền Thông Bách Việt Phương Nam (BVN): tỷ lệ nắm giữ 25%

Trụ sở chính : KCN Mỹ Xuân A, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

Văn phòng : 59 Trần Quốc Hoàn, P.4, Quận Tân Bình, TPHCM

Tel: 38116851 Fax: 38427830

Giấy CN ĐKKD: số 4903000339 do sở Kế Hoạch Đầu Tư Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 19/03/2007

Vốn Điều lệ: 125.000.000.000 đồng

Là công ty liên doanh giữa công ty Bách Việt và Công ty Cp Văn Hóa Phương Nam cùng một số cổ đông khác, được thành lập năm 2007. Công ty chuyên thực hiện dịch vụ mua bán bản quyền

các sản phẩm truyền thông, chủ yếu trong lĩnh vực âm nhạc, điện ảnh. Ngoài ra với trang thiết bị chuyên ngành hiện đại và đa dạng, BVN còn thực hiện các công đoạn sản xuất, hậu kỳ... cho các sản phẩm nói trên và phát hành băng đĩa với hệ thống phân phối trên toàn quốc.

2.4 Công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học Sóc Trăng: tỷ lệ nắm giữ 23.08%

Trụ sở chính : 66 Nguyễn Thị Minh Khai, P.3, Sóc Trăng

Tel: (079) 822080, 820093

Công ty được thành lập năm 1993 tiền thân là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Sở giáo dục và đào tạo. Từ tháng 12 năm 2003, công ty chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ DNNN sang công ty cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh các loại sách giáo khoa, sách tham khảo, các loại ấn phẩm dùng cho giáo viên, học sinh, vật phẩm văn hóa, các loại thiết bị, dụng cụ thí nghiệm, máy vi tính, mạng máy tính phục vụ trong trường học.
- Dịch vụ game và internet.
- Sản xuất, mua bán đồ dùng trong trường học.

VII. Tổ chức và nhân sự

1. Cơ cấu tổ chức của công ty

Thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2008 - 2010, Công ty Cổ phần Văn hoá Phương Nam đã triển khai cơ cấu tổ chức mới tinh gọn và năng động hơn nhằm phát huy hiệu quả hoạt động. Công ty có:

- 01 văn phòng chính với các phòng ban tham mưu,
- Khối kinh doanh bán lẻ gồm 1 trung tâm mua hàng được hình thành trên cơ sở sáp nhập các đơn vị cung ứng hàng hóa cho hệ thống nhà sách PNC gồm Phòng Kinh doanh tổng hợp, bộ phận cung ứng sách của Trung tâm sách và dịch vụ bản quyền, tổ mua hàng băng đĩa của PNF và Ban Ngoại văn; hệ thống phân phối là mạng lưới các nhà sách tại các tỉnh thành trong cả nước được tổ chức thành các Chi nhánh trực thuộc Công ty.
- Khối các Công ty con gồm 4 công ty thành viên với cơ cấu 100% vốn của PNC.

➤ Văn phòng Công ty.

Nơi đặt trụ sở chính của Công ty, có văn phòng làm việc của Ban Tổng Giám đốc Công ty và các phòng chuyên môn gồm: Phòng Nhân sự-Hành chính, Phòng Tài chính - kế toán, Phòng CNTT, Phòng Marketing, Văn Phòng công ty.

Địa chỉ: 940 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 38663447 - 38663448.

➤ Trung tâm mua hàng

Trung tâm mua hàng có chức năng đảm nhiệm việc cung ứng hàng hóa kinh doanh cho toàn hệ thống bán lẻ của Công ty, bao gồm những bộ phận sau: Phòng Kho vận, ngành hàng tổng hợp, ngành hàng băng đĩa, ngành hàng Sách quốc văn, ngành hàng Sách ngoại văn. Việc hình thành Trung tâm Mua hàng giúp Công ty quản lý việc cung ứng hàng hóa hiệu quả hơn.

➤ **Mạng lưới các Chi nhánh**

Công ty có 6 Chi nhánh, là các đơn vị thực hiện kinh doanh hạch toán báo sổ, đứng đầu là Giám đốc chi nhánh. Chi nhánh có các bộ phận trực thuộc gồm: các nhà sách, bộ phận kinh doanh tiếp thị, nhân sự, hành chính kế toán. Chi nhánh có các chức năng:

- Phát triển và quản lý các cửa hàng bán lẻ, mạng lưới nhà phân phối và khách hàng sỉ tại khu vực thị trường được phân công quản lý.
- Bán hàng trực tiếp cho các khách hàng tổ chức như: thư viện, trường học, cơ quan, doanh nghiệp tại khu vực thị trường được phân công quản lý.
- Cung ứng hàng hoá cho khách hàng.
- Quản lý công nợ, thu tiền bán hàng phát sinh tại chi nhánh.
- Thực hiện các dịch vụ hậu mãi: chăm sóc và giải quyết các khiếu nại của khách hàng (đại lý, khách hàng sỉ, khách hàng tổ chức, khách hàng lẻ).

Hệ thống mạng lưới phân phối của Công ty mở rộng khắp các tỉnh thành trên cả nước. Công ty có gần 20 nhà sách qui mô lớn, tổ chức khoa học, hiện đại đặt tại các thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Huế, Hội An, Nha Trang, Cần Thơ

2. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty

- **Đại hội đồng Cổ đông:** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 lần.
- **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông mà không được uỷ quyền. Hội đồng quản trị của Công ty hiện tại có 7 người bao gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 05 thành viên.
- **Ban kiểm soát:** là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng Cổ đông, do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành của Tổng Giám Đốc. Ban kiểm soát Công ty hiện tại có 03 người, 01 Trưởng ban và 02 thành viên.
- **Ban Tổng Giám đốc:** Ban Tổng Giám đốc, đứng đầu là Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Tổng Giám

đốc trực tiếp phụ trách các Phòng tham mưu tại trụ sở chính của Công ty. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có 01 Phó Tổng Giám đốc thường trực.

➤ **Các phòng ban:** Công ty hiện có 05 phòng tham mưu như sau:

- Phòng Hành chính-tổng hợp
- Phòng Tài chính - kế toán
- Phòng Công nghệ thông tin
- Phòng Marketing
- Văn phòng công ty.

3. Tóm tắt lý lịch của các nhân sự chủ chốt:

3.1 Ban Giám đốc

3.1.1 Bà PHAN THỊ LỆ:

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 02/02/1959

Nơi sinh: Khánh Hòa

CMND số: 020588347 do CA TPHCM cấp ngày 15/08/2002

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Khánh Hòa

Địa chỉ thường trú: E25-K300 Cộng Hòa, Phường 12, Quận Tân Bình, TpHCM

ĐT liên lạc: (848) 8663447/8663448

Trình độ học vấn: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Thống kê - Kế toán

Quá trình công tác:

- 1978 - 1982: Sinh viên Trường Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh
- 1983 - 1989: Kế toán trưởng Công ty Văn hóa Tổng hợp Quận 11
- 1989 - 1999: Giám đốc Công ty Văn hóa Tổng hợp Quận 11
- 1999 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Văn hóa Phương Nam

Số cổ phiếu đang nắm giữ: 550.229 cổ phiếu chiếm 5,47% vốn điều lệ

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Lợi ích liên quan với Công ty: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

3.1.2 Ông NGUYỄN HỮU HOẠT.

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 12/04/1961

Nơi sinh: Quảng Nam.

CMND số: 022394302 do CA TPHCM cấp ngày 09/02/2004

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quảng Nam.

Địa chỉ thường trú: Số 1H đường số 6, Cư xá Bình Thới, Quận 11, TpHCM

ĐT liên lạc: (848) - 8663447/8663448

Trình độ học vấn: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Công nghiệp - Hành chính

Quá trình công tác:

- 1978 - 1982: Nghĩa vụ quân sự
- 1982 - nay: Công tác tại Công ty Văn hoá Tổng hợp Quận 11, nay là công ty Cp Văn hóa Phương Nam với các chức vụ sau:
 - Trưởng Ban điều hành Công viên Văn hoá Đàm Sen
 - Phụ Trách khối các cửa hàng in lụa
 - Giám đốc Xí nghiệp In
 - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Văn hoá Phương Nam

Số cổ phiếu đang nắm giữ: 38.324 cổ phiếu chiếm 0,38% vốn điều lệ

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Lợi ích liên quan với Công ty: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

3.1.3 Ông LÃ THÁI HIỆP

Chức vụ hiện tại: Giám đốc Tài Chính kiêm Kế toán trưởng

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 28/12/1977

Nơi sinh: TP. HCM

CMND số: 023102923 do CA TPHCM cấp ngày 14/02/2008

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán:

Địa chỉ thường trú: 10/25 Đường 379, P. Tăng Nhơn Phú A, Q. 9, Tp. HCM

ĐT liên lạc: (84-8) 3866 3447

Trình độ học vấn: Cử nhân kinh tế

Trình độ chuyên môn: Tài chính - kế toán

Quá trình công tác:

- 2000 - 2005: Kế toán trưởng Công ty TNHH SELCO - Vietnam
- 2005 - 2006: Kế toán tài chính Công ty TNHH NESTLE - Vietnam
- 2006 - 2007: Kế toán trưởng Công ty LD SCANMACH Vietnam
- 2007 – 10/2008: Chuyên viên phân tích tài chính – Công ty BASF Business Services Center
- 10/2008 - nay: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam.

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

3.2 Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

3.2.1 Bà Phan Thị Lệ - Chủ tịch HĐQT

Lý lịch tóm tắt như trên

3.2.2 Ông Nguyễn Hữu Hoạt – Phó chủ tịch HĐQT

Lý lịch tóm tắt như trên

3.2.3 Bà Trần Thị Mai- Thành Viên HĐQT

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 23/12/1951

Nơi sinh: Tiền Giang

CMND số: 020300975 do CA TPHCM cấp ngày 23/07/1987

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tiền Giang

Địa chỉ thường trú: 3/9 Yên Thế, Phường 2, Quận Tân Bình, TpHCM.

ĐT liên lạc: (84-8) 3930 3623/ 3930 4601/ 3930 4600

Trình độ học vấn: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân đại học sư phạm chuyên ngành Hoá

Quá trình công tác:

- 1974 - 1980: Giáo viên giảng dạy tại Trường cấp 3 Vũng Tàu.
- 1980 - 1984: Giáo viên giảng dạy tại Trường Lý Tự Trọng, TpHCM.
- 1985 - 1989: Phó phòng Hội chợ Triển lãm - Công ty Hội chợ TpHCM.
- 1990 - 1992: Trợ lý Giám đốc Công ty Young Mike LTD - Taiwan.
- 1992 - nay: Giám đốc đại diện tập đoàn HUALON CORP (Malaysia)

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Giám đốc văn phòng đại diện tập đoàn HUALON CORP (Malaysia) tại Việt Nam.

Số cổ phần nắm giữ: 68.152 cổ phần chiếm 0,68% VDL.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 68.152 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: Không có.

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

3.2.4. Ông Nguyễn Ngọc Bích- Thành viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 1945

Nơi sinh: Hà Tây.

CMND số: 022594899 do CA TPHCM cấp ngày 20/09/2004

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Đỗ động, Huyện Thanh oai, Tỉnh Hà tây

Địa chỉ thường trú: 14P Nguyễn Thị Tần, Phường 2, Quận 8, TpHCM.

ĐT liên lạc: (848) 3829 5619

Trình độ học vấn: Cao học

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật

Quá trình công tác:

- 1973 - 1975: Luật sư đoàn Luật sư Sài Gòn.
- 1989 -1992: Cố vấn luật pháp tại Công ty Overseas Finance & Trading Corp TpHCM.
- 1993 - 1994: Cố vấn luật pháp tại Công ty INVESTIP.
- 1994 - 1996: Đại diện tại Việt Nam cho Law firm Paul, Weiss, Rifkind, Wharton & Garrison, New York City.
- 1994 - 2003: Giảng viên Trường Đại học Tổng hợp TpHCM, Đại học Mở Bán công TpHCM, Đại học Luật TpHCM, Trường đào tạo các chức danh tư pháp; Luật sư tại VPLS Phương Thuần và Bích, đã gia nhập Đoàn Luật sư Tp.HCM, chuyên về Luật Công ty, Luật Tài chính, Luật Thương mại.

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Luật sư

Số cổ phần nắm giữ: 36.096 cổ phần chiếm 0,36% VDL.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 36.096 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : Không có.

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

3.2.5. Ông Phạm Uyên Nguyên - Thành Viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 08/06/1968

Nơi sinh: Sài Gòn

CMND số: 002017974 do CA TPHCM cấp ngày 25/11/2003

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quảng Nam

Địa chỉ thường trú: 19 D, Thạch Thị Thanh, Quận 1, TpHCM

Địa chỉ cơ quan: P 1730, 155 Nguyễn Huệ, Quận 1, TpHCM.

ĐT liên lạc: (84-8) 3821 9930

Trình độ học vấn: Cao học

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (chuyên ngành Tài chính Ngân hàng).

Quá trình công tác:

- 07/1990 - 07/1991: Phóng viên tập sự - Báo Tuổi trẻ.
- 07/1991 - 07/1994: Cán bộ nghiên cứu - Viện Kinh tế TpHCM.
- 07/1994 - 07/1997: Du học tại Singapore (Trường ĐH Công nghệ Nanyang) và Mỹ (Trường ĐH Pennsylvania), chương trình Thạc sĩ Quản trị (MBA) chuyên ngành Tài chính Ngân hàng, học bổng toàn phần của chính phủ Singapore; là cố vấn đầu tư (Investment Advisor) - Công ty đầu tư của chính phủ Singapore (GSIC - Government of Singapore Investment Corporation).
- 07/1997 - 02/2000: Phó trưởng Ban thẩm định - Quỹ đầu tư phát triển đô thị TpHCM (Hifu).
- 01/2000 - 09/2003: Giám đốc chi nhánh tại TpHCM - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC).
- 09/2003 - 03/2007: Giám đốc điều hành kiêm Trưởng văn phòng đại diện Công ty VinaCapital Investment Management Ltd, đơn vị quản lý Quỹ đầu tư VietNam Opportunity Fund (VOF); Giám đốc các Công ty thành viên thuộc VOF: VOF Investment Ltd, Asia Value Investment Ltd, Vietnam Venture Ltd, VietNam Investment Ltd và VietNam Enterprise Ltd; Tổng giám đốc Công ty Đầu tư Phong Phú.
- 03/2007 – 09/2007: Cố vấn cao cấp Công ty VinaCapital Investment Management Ltd.
- 09/2007 - nay: Sáng lập viên, Phó CT thường trực HĐQT kiêm TGD Công ty CP Quản lý quỹ Hợp lực Việt Nam (Hợp Việt).

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT.

Số cổ phần nắm giữ: 24.641 cổ phần chiếm 0,24% vốn điều lệ

Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 19.872 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: Không có.

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

- ✓ Cha Phạm Huyền nắm giữ 445 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

3.2.6 Ông Võ Ngọc Thành – Thành viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 02/11/1961

Nơi sinh: Đồng Xuân, Phú Yên

CMND số: 023004334 do CA TPHCM cấp ngày 09/04/2004

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Phú Yên

Địa chỉ thường trú: 201/100 Hoàng Việt, P4, QTB, Tp.HCM

Địa chỉ cơ quan: 03 Đường 3/2, P11, Q10, TpHCM

ĐT liên lạc: (84-8) 3834 2002 - 3835 6617

Trình độ học vấn: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Cử nhân Châu á học và Quản trị tiếp thị Trường Đại học Adamson - Manila, Philippines.

Quá trình công tác:

- 1983 - 1988: Phó Phòng Kế hoạch Xí nghiệp Vật Tư - Công ty Bông TW
- 1989 - 1994: Trưởng Văn phòng Đại diện - Công ty Imexpan Pacific (Philippines) tại Việt Nam.
- 1995 - nay: Chủ tịch Hội đồng thành viên - Tổng giám đốc Công ty TNHH TMDV An Phong, chủ đầu tư Hệ thống siêu thị Maximark.

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT.

Số cổ phần nắm giữ: 310.000 cổ phần chiếm 3,08% vốn điều lệ.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 310.000 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: Không có.

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

3.3 THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

3.3.1. Ông Võ Viết Hoà - Trưởng Ban KS.

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 08/04/1953

Nơi sinh: Phú Yên
CMND số: 020136495 do CA TPHCM cấp ngày 27/07/2000
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Phú Yên
Địa chỉ thường trú: 229/5A Nguyễn Lâm, P 7, Quận Phú Nhuận, TpHCM
ĐT liên lạc: (848) - 8663447/8663448
Trình độ học vấn: Đại học
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Sư phạm, chuyên ngành ngữ văn
Quá trình công tác:

- 1977 - 1986: Cán bộ Trường Đại học Sư phạm Thành phố HCM, Trường phòng Tài vụ Trường Đại học Sư phạm TpHCM.
- 1988 - 1993: Giám đốc Công viên Văn hoá Đầm Sen - Công ty Du lịch Thành phố HCM
- 1994 - nay: Công tác tại Công ty Văn hoá Phương Nam với các chức vụ sau: Phó Giám đốc Xi nghiệp In, Chủ tịch Công đoàn Công ty, Trưởng Ban kiểm soát Công ty

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát, Chủ tịch Công đoàn Công ty Văn hoá Phương Nam.

Số cổ phần nắm giữ: 719 cổ phần chiếm 0,01% vốn điều lệ.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 719 cổ phần
+ Đại diện sở hữu: Không có.

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

3.3.2. Ông Cao Danh Hà - Thành viên BKS.

Giới tính: Nam
Ngày sinh: 1958
Nơi sinh: Đắc Lắc
CMND số: 020146720 do CA TPHCM cấp ngày 21/10/1995
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Đắc Lắc

Địa chỉ thường trú: 6/10G đường số 3, C xá Lữ Gia, P15, Q11, TpHCM

ĐT liên lạc: 848 - 8654140 /0913.902170

Trình độ học vấn: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành ngoại thương

Quá trình công tác: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hưng Vương, TpHCM

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát

Số cổ phần nắm giữ: 26.040 cổ phần chiếm 0,24% vốn điều lệ.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 26.040 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : Không có.

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

3.3.3. Bà Đặng Kim Lan.

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 12/06/1955

Nơi sinh: Sài ung

CMND số: 021700911 do CA TPHCM cấp ngày 12/09/1994

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đồng Tháp

Địa chỉ thường trú: 637 Trường Chinh, P Tây Thạnh Quận Tân Phú, TPHCM

ĐT liên lạc: (08) 7512562

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính

Quá trình công tác:

- 01/1977 - 06/1986: Kế toán trưởng Xí nghiệp Quốc Doanh Cao Su Giải phóng
- 07/1986 - 12/1989: Q.Kế toán trưởng Xí nghiệp Cơ điện trực thuộc Liên hiệp KH-XN In Liksin.
- 01/1990 - 04/1993: Phó phòng Kế toán - Tài chính In Tổng hợp Liksin.
- 05/1993 - 02/1995: Q.Kế toán trưởng Công ty In và Bao bì Liksin.

- 03/1995 - 11/1995: Q. Kế toán trưởng Công ty SXKD XNK Giấy, In và Bao bì Liksin.
- 12/1995 - 06/2002: Giám đốc TCKT, Kế toán trưởng Công ty Liksin.
- 07/2002 đến nay: Ủy viên HĐQT kiêm Trưởng Ban kiểm soát Công ty Liksin, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sagomic, Công ty TNHH Phát Tài, Công ty Cổ phần In Tổng Hợp Liksin, kiểm soát viên Ngân hàng Cổ phần Đông A, Công ty Cổ phần Mỹ Nghệ tổng hợp xuất khẩu, Công ty Cổ phần Mai Lan, Công ty Cổ phần nhựa Đông Phương và Công ty Cổ phần In nhãn hàng An Lạc.

Chức vụ hiện tại: Thành viên BKS.

Số cổ phần nắm giữ: 1.510.320 cổ phần chiếm 15.01% VDL

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: Không có

+ Đại diện sở hữu: 1.510.320 (cổ phần thuộc sở hữu nhà nước).

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

4. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm: không thay đổi

5. Quyền lợi của Ban Giám đốc:

Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc và các quyền lợi khác của Ban giám đốc: Tiền lương của Ban Tổng giám đốc: 75.000.000 đồng/tháng. Tổng ngân sách tiền lương Ban Tổng Giám đốc cả năm 2009 là 900.000.000 đồng.

6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:

- Ông Nguyễn Quang Vinh xin miễn nhiệm thành viên HĐQT từ tháng 09/2009

- Bà Phan Mộng Thúy được bổ nhiệm làm Phó TGĐ từ 01/12/2009

7. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

7.1 Số lượng cán bộ công nhân viên:

- Số lượng cán bộ, nhân viên bình quân năm 2009: 1,142 người

- Thu nhập bình quân: 2.435.000 đồng/ người/ tháng

7.2 Chính sách đối với người lao động

7.2.1 Chính sách đãi ngộ

Cán bộ - nhân viên của Công ty được hưởng các chế độ phúc lợi như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, tiền ăn giữa ca, tiền trực đêm, phụ cấp xăng dầu, phụ cấp trượt giá,...

Công ty có chính sách ưu đãi cho những lao động giỏi, cụ thể trong hệ số lương của nhân viên, ngoài hệ số lương cơ bản theo chế độ Nhà nước còn có hệ số lương theo tính chất và trách nhiệm của công việc, lương công việc chiếm tỷ trọng cao trong tiền lương của CB - NV. Đối với toàn bộ hệ thống nhà sách, Công

ty con: CBCNV được hưởng lương theo doanh thu, theo đó, lương nhân viên gồm lương cơ bản chiếm 20% và lương tính theo doanh thu, khối lượng công việc được giao, trách nhiệm và mức độ quan trọng của vị trí công việc trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Người lao động trong Công ty Văn hoá Phương Nam ngoài việc được hưởng các quyền lợi được quy định trong Bộ Luật Lao động còn được Công ty đãi ngộ dưới nhiều hình thức khác như khám sức khỏe định kỳ, nghỉ mát, tham quan - du lịch,...

Hàng năm, Công ty tiến hành trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm để sử dụng vào việc chi khen thưởng và các phúc lợi xã hội như thai sản, hiếu hỷ, trợ cấp khó khăn

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng đối với các cá nhân có công lao đóng góp đối với hoạt động của Công ty, đồng thời có biện pháp xử phạt và kỷ luật nghiêm khắc đối với những cá nhân có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến Công ty...

7.2.2 Chính sách lao động

Thời gian làm việc: Thời gian làm việc 7,5 giờ một ngày, mỗi tuần nhân viên được nghỉ 1,5 ngày. Thời gian làm việc được quản lý chặt chẽ thông qua các Trưởng bộ phận và Phòng Quản trị Hành chính.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, có điều hoà nhiệt độ, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị văn phòng. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Công tác an toàn lao động được đặt lên hàng đầu, các nguyên tắc an toàn kỹ thuật được tuân thủ nghiêm ngặt. Phòng Hành chính theo dõi lịch bảo trì bảo dưỡng trang thiết bị của bộ phận kỹ thuật để đảm bảo không để xảy ra tai nạn lao động. Công ty cũng đã tiến hành mua bảo hiểm tai nạn cho nhân viên.

Các hoạt động đoàn thể như: Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn TNCS được duy trì đều đặn.

7.2.3 Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Đối với cán bộ quản lý và nhân viên nghiệp vụ: Cán bộ quản lý và nhân viên nghiệp vụ - chuyên môn phải có trình độ đại học. Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo - đặc biệt là đào tạo về kỹ năng quản lý, điều hành, đồng thời bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ tại các đơn vị.

Đối với lao động phổ thông, thời vụ: Việc tuyển dụng được thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Sau khi được tuyển dụng, số nhân viên này được đào tạo về kiến thức giao tiếp ứng xử và hướng dẫn các thao tác phục vụ khách, xử lý các tình huống.vv...

Công ty có kế hoạch xuyên suốt từ đầu năm về việc tổ chức thực hiện hoặc gửi nhân viên tham gia các khóa đào tạo huấn luyện nghiệp vụ ngắn hạn do các trường chuyên nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh giảng dạy. Nội dung các khóa đào tạo, huấn luyện nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn của nhân viên và tạo nguồn bổ sung vào các vị trí chủ chốt của Công ty.

VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Điều hành Công ty</i>
1.	Phan Thị Lệ	Chủ tịch HĐQT	Tổng Giám đốc
2.	Nguyễn Hữu Hoạt	Phó chủ tịch HĐQT	Phó Tổng Giám đốc
3.	Võ Ngọc Thành	Thành viên HĐQT	Không
4.	Trần Thị Mai	Thành viên HĐQT	Không
5.	Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	Không
6.	Phạm Uyên Nguyên	Thành viên HĐQT	Không
7.	Võ Viết Hòa	Trưởng ban kiểm soát	Không
8.	Đặng Thị Kim Lan	Thành viên Ban Kiểm soát	Không
9.	Cao Danh Hà	Thành viên Ban Kiểm soát	Không

*** Hoạt động của HĐQT trong năm 2009:**

- Thông qua kế hoạch SX –KD năm 2009.
- Phê duyệt, thông qua các dự án đầu tư theo chức năng, quyền hạn của Hội Đồng Quản Trị.

• Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Thẩm định báo cáo tài chính và báo cáo tình hình SXKD của Công ty năm 2009 hàng quý.
- Theo dõi kết quả thực hiện đối với những kiến nghị của Ban Kiểm soát năm 2009

• Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:

Triển khai chương trình cải tiến hệ thống quản trị Công ty theo kế hoạch chiến lược đã được Hội đồng quản trị thông qua.

• Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

- Thù lao của các thành viên HĐQT: 2.000.000 đồng/người/ tháng. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị năm 2009 là: 168.000.000 đồng
- Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát: 1.500.000 đồng/người/ tháng. Tổng mức thù lao của ban Kiểm soát năm 2009 là 54.000.000 đồng

• Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Tổng Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đều đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

• Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT:

STT	TÊN	CHỨC VỤ	Đầu kỳ	Cuối kỳ
1.	Phan Thị Lệ	Chủ tịch HĐQT	131.072	550.229
2	Nguyễn Hữu Hoạt	P. Chủ tịch HĐQT	55.100	38.324
3.	Võ Ngọc Thành	Thành viên HĐQT	250.000	310.000
4.	Trần Thị Mai	Thành viên HĐQT	34.800	68.152
5.	Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	29.110	36.096
6.	Phạm Uyên Nguyên	Thành viên HĐQT	19.872	0
7.	Võ Việt Hòa	Trưởng ban kiểm soát	580	719
8.	Đặng Thị Kim Lan	Kiểm soát viên	406.000	1.510.320
9.	Cao Danh Hà	Kiểm soát viên	27.000	26.040

Ghi chú: Số đầu kỳ: theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 04/03/2009. Số cuối kỳ: theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 26/03/2010.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn:

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước:

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn góp vốn (trên 5%)

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
01	Cổ đông Nhà nước: Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin	701 Kinh Dương Vương, Q6, Tp.HCM	1.510.320	15,01%
02	Phạm Vĩnh Đức	104 Yên Thế - P.2 - TB -HCM	742.390	7,38%
03	Phan Thị Lệ	1703, Cao ốc Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Q.1, Tp.HCM	550.229	5,47%
Tổng cộng			3.497.339	34,77%

Ghi chú: (Thời điểm 26 tháng 03 năm 2010)

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài: Thông tin chi tiết về cổ đông lớn góp vốn

<i>Stt</i>	<i>Tên</i>	<i>Số ĐKNSH</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Quốc Tịch</i>	<i>Số CP sở hữu</i>	
					<i>Đầu kỳ</i>	<i>Cuối kỳ</i>
1.	THE CARAVEL FUND	37305	6 Front Street, Hamilton, Bermuda HM-11	Bermuda	560.000	694.400
2.	INDOCHINA CAPITAL VIETNAM HOLDINGS LIMITED	CS1308	HSBC Ho Chi Minh City Branch, 235 Dong Khoi Street, Distrist 1, HCMC	British Virgin Islands	1.652.100	0
3.	VOF INVESTMENT LTD	No.5657 20	1703, Cao ốc Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Q.1, Tp.HCM	UK	517.014	4
4.	INTEREFFEKT Investment Funds N.V.	No.1073 188	Sewei 2, 8501 SP Joure, The Netherlands	Neitherland	0	305.800
5.	Willem Stuive	BYB3J L504	Sluispolderweg 9, 1505 HJ Zaandam, The Netherlands	Netherlands	0	65.000

Ghi chú: Số đầu kỳ: theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 04/03/2009. Số cuối kỳ: theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 26/03/2010

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHAN THỊ LỆ

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 7053
	Giờ: Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4 - 5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2009	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam, (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103002356 ngày 19 tháng 11 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất (lần thứ mười bảy) là vào ngày 08 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở Công ty được đặt tại số 940 đường 3/2, P.15, Q.11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.589.060.000 đồng.

Đến thời điểm 31/12/2009, Công ty có đầu tư vào 4 công ty con:

- Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam.
- Công ty TNHH MTV Văn Phòng Phẩm Phương Nam .
- Công ty TNHH MTV Phương Nam Phim.
- Công ty TNHH MTV In Phương Nam.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

- Kinh doanh siêu thị, hàng tiêu dùng, sách báo, tạp chí văn hóa phẩm, băng hình, vật tư ngành ảnh, ngành in, đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất và kinh doanh các tác phẩm điện ảnh: phim nhựa, phim quảng cáo, các sản phẩm nghe nhìn và thực hiện các dịch vụ khác thuộc lĩnh vực điện ảnh;
- In ấn các loại sách báo, tạp chí, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, tem nhãn, bao bì các loại, giấy tờ quản lý kinh tế trên tất cả các chất liệu;
- Kinh doanh các dịch vụ thuộc ngành văn hóa thông tin: nhiếp ảnh, âm thanh, nhạc cụ, vẽ quảng cáo, thiết kế mỹ thuật, đánh máy, photocopy;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và máy móc thiết bị có liên quan đến chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Sản xuất các sản phẩm phục vụ nhu cầu học tập, văn hóa bằng tất cả các chất liệu;
- Dịch vụ: sửa chữa, bảo trì máy móc, công cụ do Công ty kinh doanh; giữ xe của khách hàng.
- Tổ chức biểu diễn thời trang, ca múa nhạc chuyên nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- Sản xuất và mua bán các loại sản phẩm nghe nhìn: băng đĩa nhạc, băng đĩa hình, băng đĩa phim truyện, phim hoạt hình, băng đĩa có nội dung sân khấu – ca nhạc và các loại băng đĩa có nội dung được phép lưu hành;
- Dịch vụ bảo hộ quyền tác giả;
- Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không kinh doanh tại trụ sở);
- Kinh doanh rạp chiếu phim;
- Dịch vụ quảng cáo thương mại.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Phan Thị Lệ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Hoạt	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên
Bà Trần Thị Mai	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên
Ông Võ Ngọc Thành	Thành viên
Ông Phạm Uyên Nguyên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Phan Thị Lệ	Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Hữu Hoạt	Phó Tổng Giám Đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 2009

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2009 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHAN THỊ LỆ

Số: 10.128/BCKTHN-2009.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn). Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Tuy nhiên ý kiến của chúng tôi bị hạn chế bởi vấn đề sau:

- Trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Tại ngày 31/12/2009, Công ty có khoản chi quỹ khen thưởng, phúc lợi là 1.379.088.179 đồng. Khoản chi này tạm thời chưa có nguồn bù đắp và được trình bày số âm trên khoản mục quỹ khen thưởng, phúc lợi của bảng cân đối kế toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2010

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



TẶNG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV Đ.0075/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯỢNG
Chứng chỉ KTV 1191/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		212.414.555.114	200.710.492.790
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	12.712.622.388	7.270.474.201
1. Tiền	111		12.712.622.388	7.270.474.201
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	57.873.951.873	57.335.059.002
1. Phải thu khách hàng	131		34.047.220.108	35.769.236.093
2. Trả trước cho người bán	132		12.604.195.048	11.161.863.069
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		11.915.710.055	10.881.077.540
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(693.173.338)	(477.117.700)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	134.265.194.365	124.553.657.208
1. Hàng tồn kho	141		134.317.036.765	124.605.499.608
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(51.842.400)	(51.842.400)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.562.786.488	11.551.302.379
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.362.925.522	2.948.004.708
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		984.679.674	5.000.153.915
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	351.233.347	460.197.211
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	3.863.947.945	3.142.946.545

(Phần tiếp theo trang 07)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		98.829.224.534	89.448.489.993
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		94.320.000	174.400.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	5.6	94.320.000	174.400.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		58.680.861.371	51.594.717.971
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	53.327.644.513	35.065.863.279
+ Nguyên giá	222		88.326.677.187	65.576.413.449
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.999.032.674)	(30.510.550.170)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	5.8	676.460.519	824.051.915
+ Nguyên giá	225		887.980.197	887.980.197
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		(211.519.678)	(63.928.282)
3. TSCĐ vô hình	227	5.9	1.543.234.376	1.683.569.124
+ Nguyên giá	228		2.478.296.615	2.300.978.823
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(935.062.239)	(617.409.699)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.10	3.133.521.963	14.021.233.653
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		332.114.000	332.114.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(332.114.000)	(332.114.000)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	29.008.424.984	28.089.984.910
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		27.237.747.214	25.801.525.900
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.885.068.079	6.892.718.446
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(1.114.390.309)	(4.604.259.436)
V. Lợi thế thương mại	260		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		11.045.618.179	9.589.387.112
1. Chi phí trả trước dài hạn	271		7.463.633.399	7.180.440.151
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	5.12	362.945.121	290.814.461
3. Tài sản dài hạn khác	278	5.13	3.219.039.660	2.118.132.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		311.243.779.648	290.158.982.783

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		170.543.566.451	168.944.005.198
I. Nợ ngắn hạn	310		153.352.261.841	155.883.345.012
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	38.194.892.988	42.493.750.895
2. Phải trả người bán	312	5.15	92.696.754.129	81.948.465.382
3. Người mua trả tiền trước	313	5.15	2.474.195.565	1.518.720.437
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.16	1.400.540.415	5.521.935.316
5. Phải trả người lao động	315	5.17	3.116.457.369	4.525.356.731
6. Chi phí phải trả	316		8.501.419.149	11.740.628.850
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.18	6.968.002.226	8.134.487.401
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		17.191.304.610	13.060.660.186
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.19	2.093.330.183	1.422.596.056
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.20	14.841.627.703	11.223.247.267
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		39.173.788	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		217.172.936	414.816.863
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.21	140.700.213.197	121.214.977.585
I. Vốn chủ sở hữu	410		142.079.301.376	121.947.748.037
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.589.060.000	65.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.551.810.046	48.808.872.730
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(32.400.000)	(32.400.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		19.247	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.002.730.165	3.144.727.481
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.827.959.643	1.507.217.807
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.140.122.275	3.519.330.019
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		(1.379.088.179)	(732.770.452)
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		(1.379.088.179)	(732.770.452)
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		311.243.779.648	290.158.982.783

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		4.689.433.760	5.073.389.792
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		237,53	19,98
- EUR		-	9,41
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THÁI HIỆP

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHAN THỊ LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		301.479.746.130	276.040.207.962
2. Các khoản giảm trừ	02		8.851.115.243	3.609.112.320
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	292.628.630.887	272.431.095.642
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	210.757.884.284	195.794.725.976
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.870.746.603	76.636.369.666
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.400.614.612	7.266.338.930
7. Chi phí tài chính	22	6.4	5.284.063.282	9.688.365.421
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		4.347.146.044	4.248.022.505
8. Chi phí bán hàng	24		66.987.359.264	52.501.816.866
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.354.009.015	16.915.183.377
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.354.070.347)	4.797.342.932
11. Thu nhập khác	31	6.5	11.374.434.969	2.601.929.484
12. Chi phí khác	32	6.6	1.328.606.568	1.549.191.566
13. Lợi nhuận khác	40		10.045.828.401	1.052.737.918
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		4.691.758.054	5.850.080.850
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		1.251.565.783	1.891.758.892
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.7	(32.956.872)	340.362.588
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		3.473.149.143	3.617.959.370
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	-
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		3.473.149.143	3.617.959.370
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	80	5.21	531	557

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THÁI HIỆP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2010



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHAN THỊ LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp DV & doanh thu khác	01		352.192.107.153	277.093.523.027
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(292.528.218.834)	(202.530.614.520)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(38.551.938.767)	(32.596.815.201)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(3.860.360.568)	(2.739.505.058)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.711.370.049)	(1.803.076.476)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		24.011.295.418	86.144.646.352
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(50.490.245.814)	(137.743.344.287)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.938.731.461)	(14.175.186.163)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(1.033.188.009)	(3.609.744.733)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22		-	100.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.536.756.282)	(1.336.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.674.756.282	106.760.584
chia	27		375.203.418	648.289.247
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.519.984.591)	(4.090.694.902)

(Phần tiếp theo ở trang 12)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

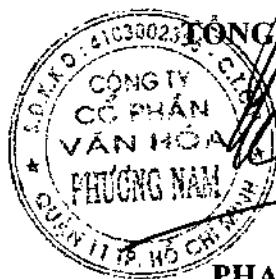
CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		20.000.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(1.300.000.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33		118.461.492.596	102.073.644.828
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(119.260.628.357)	(79.567.539.674)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(3.850.807.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Tài chính	40		17.900.864.239	18.655.297.954
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		5.442.148.187	389.416.889
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.270.474.201	6.881.057.312
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		12.712.622.388	7.270.474.201

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÃ THÁI HIỆP



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHAN THỊ LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103002356 ngày 19 tháng 11 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất (lần thứ mười bảy) là vào ngày 08 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 940 đường 3/2, P.15, Q.11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.589.060.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 4 công ty con như được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực văn hóa.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Kinh doanh siêu thị, hàng tiêu dùng, sách báo, tạp chí văn hóa phẩm, băng hình, vật tư ngành ảnh, ngành in, đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất và kinh doanh các tác phẩm điện ảnh: phim nhựa, phim quảng cáo, các sản phẩm nghe nhìn và thực hiện các dịch vụ khác thuộc lĩnh vực điện ảnh;
- In ấn các loại sách báo, tạp chí, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, tem nhãn, bao bì các loại, giấy tờ quản lý kinh tế trên tất cả các chất liệu;
- Kinh doanh các dịch vụ thuộc ngành văn hóa thông tin: nhiếp ảnh, âm thanh, nhạc cụ, vẽ quảng cáo, thiết kế mỹ thuật, đánh máy, photocopy;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và máy móc thiết bị có liên quan đến chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Sản xuất các sản phẩm phục vụ nhu cầu học tập, văn hóa bằng tất cả các chất liệu;
- Dịch vụ: sửa chữa, bảo trì máy móc, công cụ do Công ty kinh doanh; giữ xe của khách hàng.
- Tổ chức biểu diễn thời trang, ca múa nhạc chuyên nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Sản xuất và mua bán các loại sản phẩm nghe nhìn: băng đĩa nhạc, băng đĩa hình, băng đĩa phim truyện, phim hoạt hình, băng đĩa có nội dung sân khấu – ca nhạc và các loại băng đĩa có nội dung được phép lưu hành;
- Dịch vụ bảo hộ quyền tác giả;
- Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không kinh doanh tại trụ sở);
- Kinh doanh rạp chiếu phim;
- Dịch vụ quảng cáo thương mại.

1.4. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<u>Stt</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam	Số 940 đường 3/2, P.15, Q.11, TP HCM	100 %	100 %
2.	Công ty TNHH MTV Văn Phòng Phẩm Phương Nam	Số 160/13 Đội Cung, P.9, Q.11, TP HCM	100 %	100 %
3.	Công ty TNHH MTV Phương Nam Phim	Số 940 đường 3 tháng 2, P.15, Q.11, TP HCM	100 %	100 %
4.	Công ty TNHH MTV In Phương Nam	Số 160/12 Đội Cung, P.9, Q.11, TP HCM	100 %	100 %

1.5. Công ty liên doanh, liên kết không được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>Stt</u>	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty Cổ phần Nhân Hiệu Phương Nam	Lầu 6 Cao ốc Mỹ Thịnh, 137 Lê Quang Định, P.14, Q.Bình Thạnh, TP HCM	50,00%	59,90%
2.	Công ty CP Truyền Thông Bách Việt Phương Nam	Số 59 Trần Quốc Hoàn, Q.Tân Bình, TP HCM	12,50%	12,50%
3.	Công ty Truyền Thông Megastar	Phòng 1623, Tầng 16, Tháp Sài Gòn, 29 Lê Duẩn, Q.1, TP HCM	20,00%	20,00%
4.	Công ty Sách & Thiết bị trường học Sóc Trăng	Số 66 Nguyễn Thị Minh Khai, P.3, Sóc Trăng	23,08%	23,08%

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Nguyên nhân không hợp nhất quyền lợi là do chưa thu thập đủ thông tin.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chứng từ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Công ty chưa tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 07 – Kế toán các khoản đầu tư vào Công ty liên kết - để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam, báo cáo tài chính các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp giá gốc cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Tại thời điểm thụ đắc Công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất trong thời hạn là 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 12 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	02 – 14 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 -50 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được nhận theo giá trị hợp lý của tài sản tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Nếu giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

4.8. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào đặc thù từng loại chi phí.

4.9. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai

- Chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.
- Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai nếu tạo ra được tài sản cố định vô hình sẽ được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản cố định vô hình đó.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.11. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo Điều lệ Công ty.

4.13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.14. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các công ty trong Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.16. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.424.588.314	976.299.436
Tiền gửi ngân hàng	11.288.034.074	6.294.174.765
Tổng cộng	12.712.622.388	7.270.474.201

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	34.047.220.108	35.769.236.093
Trả trước cho người bán	12.604.195.048	11.161.863.069
Các khoản phải thu khác	11.915.710.055	10.881.077.540
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	58.567.125.211	57.812.176.702
Dự phòng phải thu khó đòi	(693.173.338)	(477.117.700)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	57.873.951.873	57.335.059.002

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu các bên có liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Khoản phải thu	2.035.700	2.000.000
Trả trước cho người bán	2.030.412.611	-
Các khoản phải thu khác	271.234.611	884.504.206
Cộng - xem thêm mục 7	2.303.682.922	886.504.206

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	4.209.767.142	3.141.641.127
Công cụ, dụng cụ	28.215.000	4.892.906
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.068.451.407	11.140.990.275
Thành phẩm	13.421.065.554	13.154.114.572
Hàng hóa	99.140.489.839	91.594.193.850
Hàng gửi bán	5.449.047.823	5.569.666.878
Cộng giá gốc hàng tồn kho	134.317.036.765	124.605.499.608
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(51.842.400)	(51.842.400)
Giá trị thuần có thể thực hiện	134.265.194.365	124.553.657.208

5.4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Đây là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	1.718.681.606	1.325.770.735
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	877.232.644	454.000.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.268.033.695	1.363.175.810
Tổng cộng	3.863.947.945	3.142.946.545

5.6. Các khoản phải thu dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu dài hạn khách hàng	-	-
Phải thu dài hạn khác	94.320.000	174.400.000
Cộng các khoản phải thu dài hạn	94.320.000	174.400.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	94.320.000	174.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PT vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	30.974.071.316	5.167.600.466	15.186.022.471	14.248.719.196	65.576.413.449
Tăng trong năm	21.547.967.935	166.007.504	1.033.573.069	4.180.181.071	26.927.729.579
Thanh lý, nhượng bán	-	(339.749.176)	(3.117.211.905)	(448.862.535)	(3.905.823.616)
Giảm khác	-	(5.730.000)	-	(265.912.225)	(271.642.225)
Số dư cuối năm	52.522.039.251	4.988.128.794	13.102.383.635	17.714.125.507	88.326.677.187
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	10.382.817.052	3.993.263.643	9.781.037.435	6.353.432.040	30.510.550.170
Khấu hao trong năm	4.353.281.268	237.859.436	1.275.570.011	2.379.836.605	8.246.547.320
Thanh lý, nhượng bán	-	(339.749.176)	(3.027.951.488)	(322.763.115)	(3.690.463.779)
Giảm khác	(3.234.162)	(5.730.000)	-	(58.636.875)	(67.601.037)
Số dư cuối năm	14.732.864.158	3.885.643.903	8.028.655.958	8.351.868.655	34.999.032.674
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	20.591.254.264	1.174.336.823	5.404.985.036	7.895.287.156	35.065.863.279
Tại ngày cuối năm	37.789.175.093	1.102.484.891	5.073.727.677	9.362.256.852	53.327.644.513

(Xem tiếp trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Phương tiện vận tải. truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	887.980.197	887.980.197
Thuê tài chính trong năm	-	-
Số dư cuối năm	887.980.197	887.980.197
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	63.928.282	63.928.282
Khấu hao trong năm	147.591.396	147.591.396
Số dư cuối năm	211.519.678	211.519.678
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	824.051.915	824.051.915
Tại ngày cuối năm	676.460.519	676.460.519

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Bản quyền	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	15.440.920	2.285.537.903	2.300.978.823
Mua trong năm	35.100.000	142.217.792	177.317.792
Số dư cuối năm	50.540.920	2.427.755.695	2.478.296.615
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	514.698	616.895.001	617.409.699
Khấu hao trong năm	8.120.446	309.532.094	317.652.540
Số dư cuối năm	8.635.144	926.427.095	935.062.239
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	14.926.222	1.668.642.902	1.683.569.124
Tại ngày cuối năm	41.905.776	1.501.328.600	1.543.234.376

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Các công trình nhà sách	1.460.966.360	13.942.688.029
Công trình văn phòng làm việc PNC	364.969.496	-
Công trình cửa hàng băng đĩa	148.000.000	-
Phòng kinh doanh qua mạng	458.110.313	-
Chuỗi nhận diện hệ thống PNC	416.155.173	-
Đào tạo cán bộ kế thừa	229.790.621	-
Website PNC	49.700.000	78.545.624
CP đầu tư XD CB dở dang khác	5.830.000	-
Tổng cộng	3.133.521.963	14.021.233.653

5.11. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	27.237.747.214	25.801.525.900
Đầu tư dài hạn khác	2.885.068.079	6.892.718.446
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	30.122.815.293	32.694.244.346
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.114.390.309)	(4.604.259.436)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	29.008.424.984	28.089.984.910

Danh sách các công ty liên kết mà Công ty đã đầu tư như sau:

	Vốn góp theo PP giá gốc đến 31/12/2009	Tỷ lệ vốn góp thực tế
Công ty Cổ phần Nhân Hiệu Phương Nam	9.584.000.000	59,90%
Công ty CP Truyền Thông Bách Việt Phương Nam	2.500.000.000	12,50%
Công ty Truyền Thông Megastar	12.653.840.314	20,00%
Công ty Sách & Thiết bị trường học Sóc Trăng	2.499.906.900	23,08%
Cộng	27.237.747.214	

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản đầu tư dài hạn khác vào ngày 31/12/2009 như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu các Công ty	2.146.346.209	6.232.251.936
Đầu tư dài hạn khác	738.721.870	660.466.510
Tổng cộng	2.885.068.079	6.892.718.446

Danh sách các chứng khoán lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Mã CK	Số lượng	Giá trị đầu tư	Giá thị trường	Giá trị lập dự phòng
LBE	58.200	1.224.530.500	686.760.000	537.770.500
KDC	9	1.323.570	571.500	752.070
NKD	636	82.840.803	25.694.400	57.146.403
TDH	4	514.146	280.000	234.146
PVS	8.500	778.970.150	289.850.000	489.120.150
VFMVF1	2.000	58.167.040	28.800.000	29.367.040
Tổng cộng		2.146.346.209	1.031.955.900	1.114.390.309

5.12. Tài sản thuế hoãn lại

	Cuối năm
Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	7.500.000
Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	23.453.898
Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến của giao dịch nội bộ năm 2009	331.991.223
Tổng cộng	362.945.121

5.13. Tài sản dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Ký quỹ thuê tài chính	187.366.400	187.366.400
Ký quỹ thuê mặt bằng	3.016.673.260	1.705.823.790
Ký quỹ khác	15.000.000	224.942.310
Tổng cộng	3.219.039.660	2.118.132.500

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.14. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	37.890.783.988	25.857.927.562
Vay đối tượng khác	-	16.326.762.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	304.109.000	309.061.333
Tổng cộng	38.194.892.988	42.493.750.895

Khoản vay ngân hàng được thế chấp bằng bất động sản của Công ty. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động. Hạn mức tín dụng được cấp là 50.000.000.000 đồng, lãi suất vay được qui định theo từng khế ước nhận nợ.

Nợ dài hạn đến hạn trả là khoản nợ đến hạn trả của hợp đồng thuê tài chính. (Xem thêm mục 5.20)

5.15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	92.696.754.129	81.948.465.382
Người mua trả tiền trước	2.346.444.075	1.518.720.437
Doanh thu chưa thực hiện	127.751.490	-
Tổng cộng	95.170.949.694	83.467.185.819

Trong các khoản phải trả có khoản phải trả các bên có liên quan số tiền là 77.863.002 đồng (năm 2008 là 8.544.002 đồng) – Xem thêm mục 7.

5.16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	459.429.977	2.583.163.599
Thuế thu nhập doanh nghiệp	723.785.420	2.360.781.911
Thuế thu nhập cá nhân	216.254.424	527.014.186
Các loại thuế khác	1.070.594	50.975.620
Tổng cộng	1.400.540.415	5.521.935.316

5.17. Phải trả người lao động

Là khoản phải trả lương tháng 12 và thưởng năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	716.844.972	1.090.494.825
Kinh phí công đoàn	78.336.415	58.647.727
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	235.776.961	214.121.407
Trợ cấp thất nghiệp	34.951.940	-
Cổ tức phải trả	2.647.129.600	858.691.808
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.254.962.338	5.912.531.634
Tổng cộng	6.968.002.226	8.134.487.401

5.19. Phải trả dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Nhận vốn góp theo HĐ hợp tác kinh doanh	726.335.156	726.335.156
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	521.116.000	427.366.000
Phải trả dài hạn khác	845.879.027	268.894.900
Tổng cộng	2.093.330.183	1.422.596.056

5.20. Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	8.252.496.303	4.353.411.867
Vay đối tượng khác	6.402.000.000	6.402.000.000
Nợ thuê tài chính	187.131.400	467.835.400
Tổng cộng	14.841.627.703	11.223.247.267

Vay ngân hàng chủ yếu là khoản vay tín chấp trung hạn để đầu tư xây dựng các nhà sách, thời hạn vay là 36 tháng. Lãi suất được điều chỉnh theo từng năm, lãi suất vay năm đầu tiên là 1,7%/tháng.

Nợ thuê tài chính có liên quan đến việc thuê tài chính phương tiện vận tải. Số dư nợ gốc đến ngày 31/12/2009 là 491.240.400 đồng, trong đó nợ đến hạn trả là 304.109.000 đồng. (Xem thêm mục 5.14)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.21. Vốn chủ sở hữu

5.21.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch TGHD	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Cộng
Số dư đầu năm trước	65.000.000.000	48.929.549.530	(32.400.000)	-	3.144.727.481	1.359.420.039	7.493.143.952	255.409.300	126.149.850.302
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	3.617.959.370	-	3.617.959.370
Giảm vốn trong năm	-	(120.676.800)	-	-	-	-	-	-	(120.676.800)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(7.148.380.000)	-	(7.148.380.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	147.797.768	(443.393.303)	295.595.535	-
Chi từ quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(1.283.775.287)	(1.283.775.287)
Số dư đầu năm nay	65.000.000.000	48.808.872.730	(32.400.000)	-	3.144.727.481	1.507.217.807	3.519.330.019	(732.770.452)	121.214.977.585
Tăng vốn trong năm	35.589.060.000	(14.257.062.684)	-	-	(1.331.997.316)	-	-	-	20.000.000.000
Tăng khác	-	-	-	19.247	-	-	-	10.370.100	10.389.347
Trích lập quỹ	-	-	-	-	200.000.000	320.741.836	(1.080.014.303)	559.272.467	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	3.473.149.143	-	3.473.149.143
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(2.605.570.432)	-	(2.605.570.432)
Chi từ quỹ	-	-	-	-	(10.000.000)	-	-	(1.215.960.294)	(1.225.960.294)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(166.772.152)	-	(166.772.152)
Số dư cuối năm	100.589.060.000	34.551.810.046	(32.400.000)	19.247	2.002.730.165	1.827.959.643	3.140.122.275	(1.379.088.179)	140.700.213.197

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.21.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Cổ phần Nhà Nước	15.103.200.000	12.180.000.000
Cổ phần công nhân viên Công ty	21.102.790.000	6.339.240.000
Cổ phần bán cho các đối tượng ngoài DN	34.380.220.000	22.365.380.000
Cổ đông nước ngoài	30.002.850.000	24.115.380.000
Tổng cộng	100.589.060.000	65.000.000.000

5.21.3. Cổ phần

▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	10.058.906	6.500.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	10.058.906	6.500.000
▪ Số lượng cổ phần được mua lại	3.240	3.240
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	10.055.666	6.496.760
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.21.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	3.473.149.143	3.617.959.370
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong năm của Công ty mẹ	6.538.681	6.495.439
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	531	557

5.21.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	3.519.330.019	7.493.143.952
Lợi nhuận sau thuế trong năm	3.473.149.143	3.617.959.370
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(200.000.000)	-
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(320.741.836)	(147.797.768)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(559.272.467)	(295.595.535)
Chia cổ tức	(2.605.570.432)	(7.148.380.000)
Giảm khác	(166.772.152)	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	3.140.122.275	3.519.330.019

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	295.058.496.570	273.059.256.369
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.421.249.560	2.980.951.593
Chiết khấu thương mại	(4.237.214.147)	(283.687.644)
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	(4.613.901.096)	(3.325.424.676)
Doanh thu thuần	292.628.630.887	272.431.095.642

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng	208.721.285.469	194.846.882.600
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.036.598.815	947.843.376
Tổng cộng	210.757.884.284	195.794.725.976

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	180.978.991	125.407.906
Chiết khấu thanh toán	824.221.802	204.190.876
Chênh lệch tỉ giá	164.824.696	96.067.545
Lãi liên doanh và lãi đầu tư dài hạn khác	775.895.956	424.245.995
Lãi kinh doanh cổ phiếu	-	6.416.284.280
Hoàn nhập dự phòng giảm giá cổ phiếu	454.552.982	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	140.185	142.328
Tổng cộng	2.400.614.612	7.266.338.930

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.347.146.044	4.248.022.505
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	124.567.295	188.477.079
Lỗ chênh lệch tỷ giá	686.358.443	647.606.401
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn/dài hạn	125.991.500	4.604.259.436
Tổng cộng	5.284.063.282	9.688.365.421

6.5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	1.216.265.250	666.712.749
Tiền tài trợ	846.503.113	282.734.980
Tiền gửi xe	252.464.994	236.502.272
Quảng cáo	7.991.513	316.713.091
Cho thuê mặt bằng	1.050.877.765	143.192.727
Thu nhập từ tiền gói quà	99.872.707	122.486.528
Thu công nợ không ai đòi	1.081.400.465	221.171.709
Thu nhập khác	6.819.059.162	612.415.428
Tổng cộng	11.374.434.969	2.601.929.484

6.6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý tài sản cố định	202.998.726	182.619.753
Công nợ không thu hồi	-	92.585.092
Nộp phạt	2.715.050	55.018.732
Chi phí khác	1.122.892.792	1.218.967.989
Tổng cộng	1.328.606.568	1.549.191.566

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay
Chi phí thuế hoãn lại phát sinh từ các chênh lệch tạm thời chịu thuế	(7.500.000)
Chi phí thuế hoãn lại liên quan đến của giao dịch nội bộ năm 2009	(331.991.223)
Chi phí thuế hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm được khấu trừ	39.173.788
Chi phí thuế hoãn lại phát sinh từ lỗ được khấu trừ thuế trong tương lai	(23.453.898)
Chi phí thuế hoãn lại liên quan đến của giao dịch nội bộ năm 2008	290.814.461
Tổng cộng	(32.956.872)

7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- + Kinh doanh nhà sách
- + Phát hành sách
- + Sản xuất, kinh doanh văn phòng phẩm
- + Sản xuất, kinh doanh phim, băng đĩa
- + In, thiết kế

(Xem tiếp trang 33)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

DVT: 1.000.000 đồng

	Kinh doanh nhà sách	Phát hành sách	SXKD văn phòng phẩm	SXKD phim, băng đĩa	In, thiết kế	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu							
Từ khách hàng bên ngoài	225.860	14.812	22.498	17.911	11.548	-	292.629
Giữa các bộ phận	-	12.101	8.930	5.435	5.321	(31.787)	-
Tổng cộng	225.860	26.913	31.427	23.346	16.869	(31.787)	292.629
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Kết quả của bộ phận	5.691	766	(1.614)	3.133	(111)	(289)	7.575
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	5.691	766	(1.614)	3.133	(111)	(289)	7.575
Thu nhập tài chính	6.125	8	16	353	14	(4.116)	2.401
Chi phí tài chính	(4.970)	(10)	(209)	(96)	-	-	(5.284)
Thu nhập từ công ty liên kết							
Thuế thu nhập doanh nghiệp	537	153	-	593	(23)	(41)	1.219
Lợi nhuận sau thuế	6.309	611	(1.806)	2.797	(73)	(4.364)	3.473
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	6.309	611	(1.806)	2.797	(73)	(4.364)	3.473
Các khoản mục bất thường	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	6.309	611	(1.806)	2.797	(73)	(4.364)	3.473
Các thông tin khác							
Tài sản của bộ phận	279.550	35.887	16.387	29.610	19.669	(69.859)	311.244
Công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất	279.550	35.887	16.387	29.610	19.669	(69.859)	311.244
Nợ phải trả của bộ phận	137.931	19.925	6.938	16.351	5.242	(15.844)	170.544
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất	137.931	19.925	6.938	16.351	5.242	(15.844)	170.544
Chi phí mua sắm tài sản	6.850	143	234	171	1.166	-	8.564
Chi phí khấu hao	25.314	292	285	496	540	-	26.928

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, được gọi là các bên liên quan, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các công ty liên kết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu - xem thêm mục 5.2	2.303.682.922	886.504.206
Phải trả - xem thêm mục 5.15	77.863.002	8.544.002

- Bản chất các giao dịch với công ty liên kết và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay
Mua hàng	5.531.348.513

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	168.000.000	168.000.000
Lương Tổng Giám đốc	480.000.000	360.000.000
Tổng cộng	648.000.000	528.000.000

9. Các nghĩa vụ theo hợp đồng thuê tài chính

Công ty đang thuê phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê tài chính với thời gian sử dụng ước tính 6 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	304.109.000	280.728.000
Trên 1 năm đến 5 năm	187.131.400	467.831.400
Tổng cộng	491.240.400	748.559.400

Nghĩa vụ nợ được phân loại theo:

	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn	304.109.000	280.728.000
Dài hạn	187.131.400	467.831.400
Tổng cộng	491.240.400	748.559.400

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

10. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 22 tháng 02 năm 2010.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2010

KÊ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THÁI HIỆP

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHAN THỊ LỆ